

Số: 2340 /QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền
giải quyết của Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Đà Nẵng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính
phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ
tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ
tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ
tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 4791/TTr-
SGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3614/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Cảng vụ đường thủy nội địa, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông vận tải (để báo cáo);
- Cục KS TTHC (Văn phòng Chính phủ);
- Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, SGTVT, KSTT.

CHỦ TỊCH


Lê Trung Chinh

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1340/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

**PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
Lĩnh vực Đường thủy nội địa**

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	MÃ TTHC	GHI CHÚ
1	Cấp giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ	1.003614	Sửa đổi, bổ sung
2	Cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ	1.003592	Sửa đổi, bổ sung
3	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	1.005040	Sửa đổi, bổ sung
4	Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia nhập cảnh vào cảng thủy nội địa Việt Nam	1.009440	Sửa đổi, bổ sung
5	Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia xuất cảnh rời cảng thủy nội địa Việt Nam	1.009441	Sửa đổi, bổ sung
6	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa	1.009463	Sửa đổi, bổ sung
7	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	1.009465	Sửa đổi, bổ sung
8	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa	1.009464	Sửa đổi, bổ sung
9	Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	1.004239	Sửa đổi, bổ sung
10	Phê duyệt Kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	1.003570	Sửa đổi, bổ sung
11	Xác nhận hàng năm Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	1.004137	Sửa đổi, bổ sung

PHẦN II
NỘI DUNG CỦA TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

1. Cấp giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ (Mã TTHC: 1.003614)

1.1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Trước khi phương tiện, thủy phi cơ vào cảng, bến thủy nội địa, tổ chức, công dân hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn thủ tục này và nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả một cửa Cảng vụ đường thủy nội địa ở cảng, bến thủy nội địa.

Bước 2. Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trước khi phương tiện, thủy phi cơ vào cảng, bến thủy nội địa, người làm thủ tục thông báo về phương tiện (số đăng ký), thời gian sẽ vào, rời cảng, bến thủy nội địa và loại hàng hóa hoặc số lượng hành khách cho Cảng vụ đường thủy nội địa biết. Thông báo bằng tin nhắn, điện thoại hoặc hình thức khác. Thuyền trưởng, người lái phương tiện chỉ được đưa phương tiện, thủy phi cơ vào cảng, bến thủy nội địa khi có đồng ý của Cảng vụ đường thủy nội địa. Thời gian thông báo như sau:

+ Trước 02 giờ đối với phương tiện vận tải hàng hóa;

+ Trước 01 giờ đối với phương tiện vận tải hành khách, thủy phi cơ.

- Cảng vụ đường thủy nội địa tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý trong thời gian 30 phút, kể từ khi nhận đủ giấy tờ theo quy định, trừ tàu biển và phương tiện thủy nước ngoài; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ.

Bước 3: Trả kết giải quyết thủ tục hành chính.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả một cửa Cảng vụ đường thủy nội địa ở cảng, bến thủy nội địa.

- Hồ sơ được trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả một cửa Cảng vụ đường thủy nội địa ở cảng, bến thủy nội địa.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

1.3.1. Thành phần hồ sơ:

a) Giấy tờ phải nộp:

- Giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa, trừ trường hợp làm thủ tục điện tử.

- Danh sách hành khách (đối với phương tiện vận tải hành khách).

b) Giấy tờ xuất trình bản chính:

- Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, thủy phi cơ (hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức tín dụng trường hợp phương tiện đang cầm cố, thế chấp).

- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực.

- Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện.

- Sổ danh bạ thuyền viên (nếu có).

- Hợp đồng vận chuyển hoặc hóa đơn xuất kho hoặc giấy vận chuyển hàng hóa.

- Bảo hiểm trách nhiệm dân sự (đối với phương tiện thuộc diện bắt buộc phải có bảo hiểm trách nhiệm dân sự).

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay đối với thủy phi cơ;

- Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, phương án vận tải hàng hóa siêu trường, siêu trọng (trường hợp phương tiện vận tải hàng hóa nguy hiểm, hàng hóa siêu trường, siêu trọng).

c) Người làm thủ tục không phải xuất trình trong trường hợp các giấy tờ trên đã lưu trên cơ sở dữ liệu điện tử.

d) Các trường hợp giảm thủ tục:

- Phương tiện vận tải hành khách đã đăng ký hoạt động trên tuyến cố định có nhiều cảng, bến thủy nội địa đón, trả hành khách, nếu không thay đổi thuyền viên, người lái phương tiện thì chỉ làm thủ tục vào, rời cảng, bến thủy nội địa đầu và cảng, bến thủy nội địa cuối.

- Phương tiện, thủy phi cơ trong một chuyến vận tải hàng hóa, hành khách vào, rời nhiều cảng, bến thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ mà không thay đổi hành khách, thuyền viên, người lái phương tiện thì chỉ làm thủ tục vào cảng, bến thủy nội địa đầu tiên và làm thủ tục rời tại cảng, bến thủy nội địa cuối cùng. Trong trường hợp này, việc di chuyển giữa các cảng, bến thủy nội địa được Cảng vụ cấp lệnh điều động cho phương tiện, thủy phi cơ theo Mẫu đính kèm.

- Phương tiện vận tải hành khách, thủy phi cơ thường xuyên vào, rời một cảng, bến thủy nội địa mà không thay đổi thuyền viên, người lái phương tiện và phương tiện có giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực thì làm thủ tục phương tiện vào, rời cảng, bến thủy nội địa chuyến thứ nhất. Từ chuyến thứ hai trở lên chỉ thực hiện kiểm tra an toàn và cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa.

- Phương tiện vào, rời cảng, bến thủy nội địa trong phạm vi quản lý của Cảng vụ từ hai lần trở lên trong một ngày mà không thay đổi thuyền viên, người lái phương tiện thì Cảng vụ kiểm tra giấy tờ của phương tiện, thuyền viên lần đầu. Việc kiểm tra điều kiện an toàn các lần vào, rời thực hiện theo quy định.

- Phương tiện, thủy phi cơ vào cầu, bến cảng biển hoặc khu vực hàng hải sau đó đến cảng, bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng

hải để rời vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, thì Cảng vụ chỉ làm thủ tục rời cảng, bến thủy nội địa.

- Phương tiện, thủy phi cơ vào cảng, bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải sau đó đến cầu, bến cảng biển trong vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải đó, thì Cảng vụ chỉ làm thủ tục vào cảng, bến thủy nội địa.

- Phương tiện, thủy phi cơ vào cảng, bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải sau đó di chuyển giữa các cảng, bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, thì Cảng vụ đường thủy nội địa cấp lệnh điều động cho phương tiện theo Mẫu đính kèm.

1.3.2 Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

1.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời gian 30 phút, kể từ khi nhận đủ giấy tờ theo quy định, trừ tàu biển và phương tiện thủy nước ngoài.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Đà Nẵng.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ.

1.8. Phí, lệ phí: Mức thu phí, lệ phí áp dụng tại Cảng vụ đường thủy nội địa quy định như sau:

TT	Nội dung các khoản thu	Mức thu
1	Phí trọng tải	
	Lướt vào (kể cả có tải, không tải)	165 đồng/tấn trọng tải toàn phần
2	Lệ phí vào cảng, bến thủy nội địa	
a)	Phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần từ 10 tấn đến 50 tấn	5.000 đồng /chuyến
b)	Phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần từ 51 tấn đến 200 tấn hoặc chở khách có sức chở từ 13 ghế đến 50 ghế	10.000 đồng/chuyến
c)	Phương tiện chở hàng, đoàn lai có trọng tải toàn phần từ 201 đến 500 tấn hoặc chở khách có sức chở từ 51 ghế đến 100 ghế	20.000 đồng/chuyến
d)	Phương tiện chở hàng, đoàn lai có trọng tải toàn phần từ 501 tấn đến 1.000 tấn hoặc chở khách từ 101 ghế trở lên.	30.000 đồng/chuyến
đ)	Phương tiện chở hàng, đoàn lai có trọng tải toàn phần từ 1.001 tấn đến 1.500 tấn.	40.000 đồng/chuyến
e)	Phương tiện chở hàng, đoàn lai có trọng tải toàn phần từ 1.501 tấn trở lên.	50.000 đồng/chuyến

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Không cho phương tiện, thủy phi cơ vào cảng, bến thủy nội địa khi phương tiện, thủy phi cơ không đảm bảo điều kiện an toàn, an ninh và bảo vệ môi trường.

- Không cho phương tiện, thủy phi cơ vào cảng, bến thủy nội địa khi chưa có giấy phép vào cảng, bến do Cảng vụ cấp.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

- Thông tư số 248/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại cảng bến thủy nội địa.

Mẫu: GIẤY PHÉP VÀO CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA

CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Số:/GP-CVĐTND

**GIẤY PHÉP VÀO
CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA**

Cho phép

Số đăng ký:

Chủ phương tiện:

Tên thuyền trưởng:

Số thuyền viên:

Trọng tải đăng ký: (T)/ (ghé)

Trọng tải thực tế: (T)/ (ghé)

Từ cảng, bến:

Vào cảng, bến:

để

Loại hàng hóa:

Hành khách:

Ngày tháng năm

NGƯỜI CẤP GIẤY PHÉP

**CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/GP-CVĐTND

GIẤY PHÉP VÀO CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA

Cho phép; Số đăng ký:

Chủ phương tiện:

Tên thuyền trưởng:; Số thuyền viên:

Trọng tải toàn phần theo đăng ký: (T)/ hành khách

Trọng tải thực tế: (T)/ hành khách

Loại hàng hóa vận chuyển: từ cảng, bến:

Vào cảng, bến: để

Trong thời gian từ: giờ ngày/...../..... đến giờ ngày/...../.....

Ghi chú: Giấy phép này được lưu trên phương tiện trong thời gian phương tiện đậu tại cảng, bến.

Ngày tháng năm

NGƯỜI CẤP GIẤY PHÉP

Mẫu: LỆNH ĐIỀU ĐỘNG

**SỞ GTVT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

LỆNH ĐIỀU ĐỘNG

Số:/LĐĐ

Tên thuyền trưởng:
Tên tàu:
Số đăng ký:
Trọng tải đăng ký:
Đang neo đậu tại:.....
Di chuyển đến:
Lý do điều động:.....

Ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

**SỞ GTVT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

LỆNH ĐIỀU ĐỘNG

Số:/LĐĐ

GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Cho phép thuyền trưởng phương tiện, tàu

Số đăng ký:

Trọng tải đăng ký:

Đang neo đậu tại vùng nước cảng bến.....

Di chuyển tới.....

Lý do điều động:

Ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

(ký tên, đóng dấu)

2. Cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ (Mã TTHC: 1.003592)

2.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Trước khi phương tiện, thủy phi cơ rời cảng, bến thủy nội địa, tổ chức, công dân hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn thủ tục này và nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả một cửa Cảng vụ đường thủy nội địa ở cảng, bến thủy nội địa..

Bước 2. Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trước khi phương tiện, thủy phi cơ rời cảng, bến thủy nội địa, người làm thủ tục thông báo về phương tiện (số đăng ký), thời gian sẽ rời cảng, bến thủy nội địa và loại hàng hóa hoặc số lượng hành khách cho Cảng vụ đường thủy nội địa biết. Thông báo bằng tin nhắn, điện thoại hoặc hình thức khác. Thuyền trưởng, người lái phương tiện chỉ được đưa phương tiện, thủy phi cơ rời cảng, bến thủy nội địa khi có đồng ý của Cảng vụ đường thủy nội địa. Thời gian thông báo như sau:

+ Trước 02 giờ đối với phương tiện vận tải hàng hóa;

+ Trước 01 giờ đối với phương tiện vận tải hành khách, thủy phi cơ.

- Cảng vụ đường thủy nội địa tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý trong thời gian 30 phút, kể từ khi nhận đủ giấy tờ theo quy định, trừ tàu biển và phương tiện thủy nước ngoài; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ.

Bước 3: Trả kết giải quyết thủ tục hành chính.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả một cửa Cảng vụ đường thủy nội địa ở cảng, bến thủy nội địa.

- Hồ sơ được trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả một cửa Cảng vụ đường thủy nội địa ở cảng, bến thủy nội địa.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

2.3.1. Thành phần hồ sơ:

a) Giấy tờ phải nộp:

Danh sách hành khách (đối với phương tiện vận tải hành khách).

b) Giấy tờ phải xuất trình:

- Hợp đồng vận chuyển hoặc giấy vận chuyển hoặc phiếu xuất hàng hóa;

- Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện nếu có thay đổi so với khi phương tiện vào cảng, bến thủy nội địa.

c) Đối với phương tiện đóng mới, hoán cải, sửa chữa khi hạ thủy để hoạt động, chủ phương tiện hoặc chủ cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện phải xuất trình cho Cảng vụ các giấy tờ sau:

- Biên bản kiểm tra xác nhận phương tiện đủ điều kiện để hoạt động của cơ quan Đăng kiểm;

- Phương án bảo đảm an toàn giao thông khi hạ thủy phương tiện do chủ cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phương tiện lập.

d) Các trường hợp giảm thủ tục

- Phương tiện vận tải hành khách đã đăng ký hoạt động trên tuyến cố định có nhiều cảng, bến thủy nội địa đón, trả hành khách, nếu không thay đổi thuyền viên, người lái phương tiện thì chỉ làm thủ tục vào, rời cảng, bến thủy nội địa đầu và cảng, bến thủy nội địa cuối.

- Phương tiện, thủy phi cơ trong một chuyến vận tải hàng hóa, hành khách vào, rời nhiều cảng, bến thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ mà không thay đổi hành khách, thuyền viên, người lái phương tiện thì chỉ làm thủ tục vào cảng, bến thủy nội địa đầu tiên và làm thủ tục rời tại cảng, bến thủy nội địa cuối cùng. Trong trường hợp này, việc di chuyển giữa các cảng, bến thủy nội địa được Cảng vụ cấp lệnh điều động cho phương tiện, thủy phi cơ theo mẫu đính kèm.

- Phương tiện vận tải hành khách, thủy phi cơ thường xuyên vào, rời một cảng, bến thủy nội địa mà không thay đổi thuyền viên, người lái phương tiện và phương tiện có giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực thì làm thủ tục phương tiện vào, rời cảng, bến thủy nội địa chuyến thứ nhất. Từ chuyến thứ hai trở lên chỉ thực hiện kiểm tra an toàn và cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa;

- Phương tiện vào, rời cảng, bến thủy nội địa trong phạm vi quản lý của Cảng vụ từ hai lần trở lên trong một ngày mà không thay đổi thuyền viên, người lái phương tiện thì Cảng vụ kiểm tra giấy tờ của phương tiện, thuyền viên lần đầu. Việc kiểm tra điều kiện an toàn các lần vào, rời thực hiện theo quy định;

- Phương tiện, thủy phi cơ vào cầu, bến cảng biển hoặc khu vực hàng hải sau đó đến cảng, bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải để rời vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, thì Cảng vụ chỉ làm thủ tục rời cảng, bến thủy nội địa;

- Phương tiện, thủy phi cơ vào cảng, bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải sau đó đến cầu, bến cảng biển trong vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải đó, thì Cảng vụ chỉ làm thủ tục vào cảng, bến thủy nội địa;

- Phương tiện, thủy phi cơ vào cảng, bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải sau đó di chuyển giữa các cảng, bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, thì Cảng vụ cấp lệnh điều động cho phương tiện theo Mẫu đính kèm.

2.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

2.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời gian 30 phút, kể từ khi nhận đủ giấy tờ hợp lệ theo quy định, trừ tàu biển và phương tiện thủy nước ngoài.

Trường hợp phương tiện được cấp phép rời cảng, bến thủy nội địa vẫn neo tại vùng nước cảng, bến thủy nội địa quá 24 giờ thì phải đổi lại giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa để điều chỉnh thời gian rời cảng, bến thủy nội địa.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức hoặc cá nhân.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Đà Nẵng.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ.

2.8. Phí, lệ phí: Mức thu phí, lệ phí áp dụng tại Cảng vụ Đường thủy nội địa quy định như sau:

TT	Nội dung các khoản thu	Mức thu
1	Phí trọng tải	
	Lướt ra (kể cả có tải, không tải)	165 đồng/tấn trọng tải toàn phần
2	Lệ phí ra cảng, bến thủy nội địa	
a)	Phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần từ 10 tấn đến 50 tấn	5.000 đồng /chuyến
b)	Phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần từ 51 tấn đến 200 tấn hoặc chở khách có sức chở từ 13 ghế đến 50 ghế	10.000 đồng/chuyến
c)	Phương tiện chở hàng, đoàn lai có trọng tải toàn phần từ 201 đến 500 tấn hoặc chở khách có sức chở từ 51 ghế đến 100 ghế	20.000 đồng/chuyến
d)	Phương tiện chở hàng, đoàn lai có trọng tải toàn phần từ 501 tấn đến 1.000 tấn hoặc chở khách từ 101 ghế trở lên.	30.000 đồng/chuyến
đ)	Phương tiện chở hàng, đoàn lai có trọng tải toàn phần từ 1.001 tấn đến 1.500 tấn.	40.000 đồng/chuyến
e)	Phương tiện chở hàng, đoàn lai có trọng tải toàn phần từ 1.501 tấn trở lên.	50.000 đồng/chuyến

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Không cho phương tiện, thủy phi cơ rời cảng, bến thủy nội địa khi phương tiện, thủy phi cơ không đảm bảo điều kiện an toàn, an ninh và bảo vệ môi trường.

- Không cho phương tiện, thủy phi cơ rời cảng, bến thủy nội địa khi chưa có giấy phép rời cảng, bến do Cảng vụ cấp.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

- Thông tư số 248/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại cảng biển thủy nội địa.

Mẫu: GIẤY PHÉP RỜI CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA

CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Số:/GP-CVĐTND

**GIẤY PHÉP RỜI
CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA**

Cho phép
Số đăng ký:
Chủ phương tiện:
Tên thuyền trưởng:
Số thuyền viên:
Trọng tải đăng ký: (T)/ (ghé)
Trọng tải thực tế: (T)/ (ghé)
Loại hàng:
Hành khách:
Rời cảng, bến:
Lúc: giờ ngày/...../.....
Nơi đến:
để
Tuyến hành trình:
Thời gian dự kiến đến:

Ngày tháng năm

NGƯỜI CẤP GIẤY PHÉP

**CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/GP-CVĐTND

GIẤY PHÉP RỜI CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA

Cho phép; Số đăng ký:
Chủ phương tiện:
Tên thuyền trưởng:; Số thuyền viên:
Trọng tải toàn phần theo đăng ký: (T)/ hành khách
Trọng tải thực tế: (T)/ hành khách
Loại hàng hóa:
Được rời cảng, bến:
Lúc giờ ngày/...../.....
Nơi đến:
để:
Tuyến hành trình:
Thời gian dự kiến đến cảng, bến: giờ ngày/...../.....
Lưu ý về luồng lạch, bão, lũ và các thông tin cần thiết khác:

Ngày tháng năm

NGƯỜI CẤP GIẤY PHÉP

SỞ GTVT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

LỆNH ĐIỀU ĐỘNG

Số:/LĐĐ

Tên thuyền trưởng:

Tên tàu:

Số đăng ký:

Trọng tải đăng ký:

Đang neo đậu tại:.....

Di chuyển đến:

Lý do điều động:.....

Ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

Mẫu: LỆNH ĐIỀU ĐỘNG

SỞ GTVT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

LỆNH ĐIỀU ĐỘNG

Số:/LĐĐ

GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Cho phép thuyền trưởng phương tiện, tàu

Số đăng ký:

Trọng tải đăng ký:

Đang neo đậu tại vùng nước cảng bến.....

Di chuyển tới.....

Lý do điều động::

Ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

(ký tên, đóng dấu)

3. Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung (Mã TTHC: 1005040)

3.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Thời hạn trình xác nhận trình báo đường thủy nội địa

- Trường hợp phương tiện thủy nội địa, tàu biển, tàu cá bị tai nạn, sự cố trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa thì trình báo đường thủy nội địa phải trình Cảng vụ đường thủy nội địa trong thời hạn 48 (bốn mươi tám) giờ sau khi xảy ra tai nạn, sự cố.

- Trường hợp phương tiện thủy nội địa, tàu biển, tàu cá bị tai nạn, sự cố trên đường thủy nội địa (ngoài vùng nước cảng, bến thủy nội địa) thì trình báo đường thủy nội địa phải trình một trong các cơ quan: Cảng vụ đường thủy nội địa, đơn vị quản lý đường thủy nội địa, Cảnh sát đường thủy hoặc Ủy ban nhân dân gần nhất nơi xảy ra tai nạn, sự cố chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc, kể từ thời điểm xảy ra tai nạn, sự cố hoặc kể từ khi phương tiện thủy nội địa, tàu biển, tàu cá ghé vào cảng, bến thủy nội địa đầu tiên sau khi xảy ra tai nạn, sự cố.

- Trường hợp tai nạn, sự cố xảy ra có liên quan đến hàng hóa trong hầm hàng thì trình báo đường thủy nội địa phải được trình Cảng vụ đường thủy nội địa, đơn vị quản lý đường thủy nội địa, Cảnh sát đường thủy hoặc Ủy ban nhân dân gần nhất trước khi mở nắp hầm hàng. Trường hợp tai nạn, sự cố xảy ra với hàng hóa trong quá trình làm hàng (đã mở nắp hầm hàng) thì thực hiện theo gạch đầu dòng thứ 2 bước này.

- Trường hợp không thể trình báo đường thủy nội địa trong thời hạn quy định nêu trên thì trong trình báo đường thủy nội địa phải ghi rõ nguyên nhân của sự chậm trễ đó.

Bước 2: Cơ quan xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa

- Cảng vụ Đường thủy nội địa xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa của thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện của phương tiện thủy nội địa, tàu biển, tàu cá bị tai nạn, sự cố trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa.

- Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc đơn vị quản lý đường thủy nội địa hoặc Cảnh sát đường thủy hoặc Ủy ban nhân dân gần nhất xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa của thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện của phương tiện thủy nội địa, tàu biển, tàu cá bị tai nạn, sự cố trên đường thủy nội địa (ngoài vùng nước cảng, bến thủy nội địa).

3.2. Cách thức thực hiện:

- Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả một cửa Cảng vụ đường thủy nội địa ở cảng, bến thủy nội địa hoặc Cảnh sát đường thủy hoặc Ủy ban nhân dân gần nhất.

- Hồ sơ được trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả một cửa Cảng vụ đường thủy nội địa ở cảng, bến thủy nội địa.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.3.1. Thành phần hồ sơ:

Khi trình xác nhận trình báo đường thủy nội địa, thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện hoặc người được thuyền trưởng, người lái phương tiện ủy quyền phải nộp và xuất trình các giấy tờ sau:

a) Đối với tàu biển:

- Các giấy tờ phải nộp:

+ Trình báo đường thủy nội địa theo mẫu (02 bản).

+ Bản trích sao Nhật ký hàng hải những phần có liên quan đến vụ việc (02 bản).

+ Bản trích sao Hải đồ liên quan đến vụ việc (02 bản).

- Các giấy tờ phải xuất trình (bản chính):

+ Nhật ký hàng hải những phần có liên quan đến vụ việc.

+ Hải đồ liên quan đến vụ việc.

b) Đối với phương tiện thủy nội địa:

- Các giấy tờ phải nộp:

+ Trình báo đường thủy nội địa theo mẫu (02 bản).

+ Bản sao Tự họa có mô tả sơ đồ vị trí xảy ra tai nạn, sự cố và đính kèm hình ảnh (nếu có) (02 bản).

- Các giấy tờ phải xuất trình (bản chính):

+ Tự họa có mô tả sơ đồ vị trí xảy ra tai nạn, sự cố và đính kèm hình ảnh (nếu có).

(Đối với bản trình báo đường thủy nội địa, ngoài chữ ký của thuyền trưởng, người lái phương tiện và đóng dấu của tàu biển, phương tiện thủy nội địa nếu có con dấu); còn phải có chữ ký của máy trưởng hoặc 01 (một) thủy thủ với tư cách là người làm chứng. Ngoài số lượng trình báo đường thủy nội địa được quy định (02 bản), thì thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện có thể đề nghị xác nhận thêm các bản khác có cùng nội dung nếu thấy cần thiết).

3.3.2. Số lượng hồ sơ: 02 (hai) bộ hồ sơ.

3.4. Thời hạn giải quyết: Thời hạn giải quyết xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa không quá 02 (hai) giờ làm việc đối với Cảng vụ đường thủy nội địa và 03 (ba) giờ làm việc đối với các cơ quan có thẩm quyền khác, kể từ khi đã nhận đủ các giấy tờ hợp lệ theo quy định.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức hoặc cá nhân.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Đà Nẵng hoặc Cảnh sát đường thủy hoặc Ủy ban nhân dân gần nhất.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

a) Xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa bao gồm các nội dung sau:

- Ngày, giờ nhận trình báo đường thủy nội địa.
- Xác nhận việc đã trình báo đường thủy nội địa.
- Họ, tên, chức danh và chữ ký của người xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa.
- Đóng dấu của cơ quan xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa.

b) Cơ quan xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa lưu 01 (một) bộ giấy tờ quy định phải nộp tại Mục 3.3, các giấy tờ còn lại trả cho thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện.

3.8. Phí, lệ phí:

- Tàu biển, thủy phi cơ: 100.000 đồng/lần.
- Phương tiện thủy nội địa, phương tiện thủy nước ngoài: phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn; phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người: 50.000 đồng/lần.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Trình báo đường thủy nội địa.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.
- Thông tư số 69/2014/TT-BGTVT ngày 27/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thủ tục xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa;
- Thông tư số 248/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa.

Mẫu: TRÌNH BÁO ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness**

**TRÌNH BÁO ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
NOTICE OF INLAND WATERWAY**

Kính gửi/ To:.....

1. Họ và tên thuyền trưởng (người lái phương tiện)/Name of Captain (vessel operator):.....

- Số Giấy chứng minh nhân dân (hộ chiếu)/Identity card (passport) number:.....

- Chức danh/Position:.....

- Ngày, tháng, năm sinh/Date of birth:.....

2. Thời gian xảy ra tai nạn, sự cố/Time of the accident, incident:.....

3. Địa điểm xảy ra tai nạn, sự cố/Location of the accident, incident:.....

.....
.....

4. Tên, số đăng ký, số đăng kiểm của phương tiện thủy nội địa (tàu biển, tàu cá) bị tai nạn, sự cố/Name, registration, register number of the inland, waterway vessel (sea going vessel, fishing vessel) in the accident, incident:

5. Hoàn cảnh phương tiện thủy nội địa (tàu biển, tàu cá) gặp phải/Encountered circumstance of the inland waterway vessel (sea going vessel, fishing vessel):

.....
.....

6. Thiệt hại do tai nạn, sự cố gây ra/Damage caused by the accident, incident:

.....
.....
.....

7. Những biện pháp đã áp dụng để khắc phục hoàn cảnh, hạn chế tổn thất do tai nạn, sự cố gây ra/The measures were taken to remedy the situation and limit losses caused by the accident, incident:

.....
.....
.....

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin đã nêu trên đây./ I am liable for the accuracy of the information mentioned above./

....., ngày..... tháng..... năm.....
....., date/month/year

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền Thuyền trưởng (người lái phương tiện)
Certified by the competent authority Captain (vessel operator)

Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (nếu có)
Signature, name and seal (if applicable)

Chữ ký của máy trưởng hoặc 01 thủy thủ
Signature of the chief engine or a sailor

4. Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia nhập cảnh vào cảng thủy nội địa Việt Nam (Mã TTHC: 1.009440)

4.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chậm nhất 02 giờ, trước khi phương tiện dự kiến đến cửa khẩu, người làm thủ tục phải khai báo giấy tờ theo phương thức điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia (địa chỉ: <https://vns.w.gov.vn>) hồ sơ theo hướng dẫn tại Mục 4.3.

Bước 2: Xuất trình giấy tờ

Giấy tờ phải xuất trình cho Cảng vụ, Cơ quan Hải quan, Bộ đội biên phòng, Cơ quan kiểm dịch thực vật, Cơ quan kiểm dịch động vật, Cơ quan kiểm dịch y tế theo hướng dẫn tại Mục 4.3.

Bước 3: Tiếp nhận hồ sơ

Kiểm tra các loại giấy tờ liên quan đến phương tiện và thuyền viên:

- Cảng vụ kiểm tra các thông tin khai báo, tra cứu dữ liệu phương tiện, thuyền viên Việt Nam trên cơ sở dữ liệu điện tử của các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết thủ tục cấp giấy phép cho phương tiện vào cảng thủy nội địa.

- Cảng vụ chỉ yêu cầu người làm thủ tục nộp, xuất trình các giấy tờ trong trường hợp cơ sở dữ liệu không có thông tin của phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện hoặc không đủ dữ liệu điện tử để kiểm tra, đối chiếu hoặc không bảo đảm điều kiện của chứng từ điện tử và người làm thủ tục chỉ khai báo dữ liệu lần đầu về phương tiện, thuyền viên trên phần mềm điện tử (do người làm thủ tục lựa chọn). Cảng vụ làm thủ tục đầu tiên kiểm tra, đối chiếu dữ liệu khai báo với bản chính xuất trình để giải quyết thủ tục cho phương tiện vào cảng thủy nội địa hoặc khi có sự thay đổi. Cơ sở dữ liệu về thuyền viên, người lái phương tiện, phương tiện, cảng thủy nội địa được lưu giữ trên Cổng thông tin một cửa quốc gia để làm cơ sở dữ liệu cho những lần làm thủ tục tiếp theo.

- Thời hạn xuất trình các giấy tờ không có trong cơ sở dữ liệu: Chậm nhất 02 giờ kể từ khi phương tiện đã neo đậu tại cầu cảng hoặc 04 giờ phương tiện đã neo đậu tại vị trí khác trong vùng nước cảng thủy nội địa.

- Cảng vụ có trách nhiệm kiểm tra các giấy tờ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e Mục 4.3.1.1 và điểm a Mục 4.3.1.2; chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với giấy tờ quy định tại các điểm a, b, c Mục 4.3.1.1, trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau.

- Cơ quan Hải quan chịu trách nhiệm kiểm tra các giấy tờ quy định tại các điểm a, c, d, đ, e Mục 4.3.1.1; chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với giấy tờ quy định tại điểm b Mục 4.3.1.2 trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau.

- Bộ đội Biên phòng cửa khẩu chịu trách nhiệm chính kiểm tra các giấy tờ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, i, k Mục 4.3.1.1 và điểm c Mục 4.3.1.2 và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với các giấy tờ quy định tại các điểm i, k

Mục 4.3.1.1 và điểm c Mục 4.3.1.2, trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau.

- Cơ quan kiểm dịch thực vật có trách nhiệm kiểm tra các giấy tờ quy định tại các điểm c, g Mục 4.3.1.1 và điểm đ Mục 4.3.1.2; chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với giấy tờ quy định tại điểm g Mục 4.3.1.1, trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau.

- Cơ quan kiểm dịch động vật có trách nhiệm kiểm tra các giấy tờ quy định tại các điểm c, h Mục 4.3.1.1 và điểm đ Mục 4.3.1.2; chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với giấy tờ tại điểm h Mục 4.3.1.1, trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau.

- Cơ quan kiểm dịch y tế có trách nhiệm kiểm tra giấy tờ quy định tại điểm e Mục 4.3.1.2 và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với giấy tờ đã kiểm tra trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau.

d) Bước 4: Chậm nhất 30 phút, kể từ khi người làm thủ tục hoàn thành các thủ tục khai báo điện tử và xuất trình đầy đủ các giấy tờ theo quy định, trên cơ sở ý kiến phản hồi của các đơn vị liên quan; Cảng vụ cấp giấy phép điện tử cho phương tiện vào cảng thủy nội địa thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

4.2. Cách thức thực hiện *Thực hiện theo phương thức điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia tại địa chỉ <https://vnsw.gov.vn>.*

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

4.3.1. Thành phần hồ sơ:

4.3.1.1. Chậm nhất 02 giờ, trước khi phương tiện dự kiến đến cửa khẩu, người làm thủ tục phải khai báo giấy tờ theo phương thức điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia, gồm:

- a) Thông báo phương tiện đến cảng thủy nội địa theo mẫu.
- b) Giấy phép rời cảng thủy nội địa theo mẫu.
- c) Bản khai chung theo mẫu.
- d) Danh sách thuyền viên theo mẫu.
- đ) Danh sách hành khách theo mẫu.
- e) Bản khai hàng hóa theo mẫu hoặc hợp đồng vận chuyển hoặc hóa đơn xuất kho hoặc giấy vận chuyển hàng hóa.
- g) Bản khai kiểm dịch thực vật đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch thực vật theo mẫu.
- h) Bản khai kiểm dịch động vật đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch động vật theo mẫu.
- i) Bản khai vũ khí và vật liệu nổ (nếu có) theo mẫu;

k) Bản khai người trốn trên tàu (nếu có) theo mẫu.

4.3.1.2. Giấy tờ phải xuất trình:

a) Giấy tờ xuất trình cho Cảng vụ gồm: Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện, giấy tờ liên quan đến hàng hóa vận tải trên phương tiện, giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức tín dụng trong trường hợp phương tiện đang cầm cố, thế chấp), giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện, bản sao giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự (đối với phương tiện thuộc diện bắt buộc phải có bảo hiểm trách nhiệm dân sự), giấy phép vận tải thủy qua biên giới Việt Nam - Campuchia.

b) Giấy tờ xuất trình cho Cơ quan Hải quan: Giấy tờ liên quan đến hàng hóa vận tải trên phương tiện.

c) Giấy tờ xuất trình cho Bộ đội Biên phòng cửa khẩu: Hộ chiếu và giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế của thuyền viên, hành khách (nếu có);

d) Giấy tờ xuất trình cho cơ quan kiểm dịch thực vật: Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch thực vật).

đ) Giấy tờ xuất trình cho cơ quan kiểm dịch động vật: Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật của nước xuất hàng (đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch động vật).

e) Giấy tờ xuất trình cho cơ quan kiểm dịch y tế: Giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế của thuyền viên, người lái phương tiện, hành khách (trong trường hợp xuất phát hoặc đi qua vùng có dịch hoặc bị nghi ngờ mắc bệnh hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm).

4.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

4.4. Thời hạn giải quyết: Chậm nhất 30 phút, kể từ khi người làm thủ tục hoàn thành các thủ tục khai báo điện tử và xuất trình đầy đủ các giấy tờ theo quy định, trên cơ sở ý kiến phản hồi của các cơ quan liên quan.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cảng vụ Đường thủy nội địa thành phố Đà Nẵng.

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan Hải quan, Bộ đội biên phòng, Cơ quan kiểm dịch thực vật, Cơ quan kiểm dịch động vật, Cơ quan kiểm dịch y tế.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ cấp giấy phép điện tử cho phương tiện vào cảng thủy nội địa thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

4.8. Phí, lệ phí: Mức thu phí, lệ phí áp dụng tại Cảng vụ Đường thủy nội địa quy định như sau:

TT	Nội dung các khoản thu	Mức thu
1	Phí trọng tải	
	Lượt ra (kể cả có tải, không tải)	165 đồng/tấn trọng tải toàn phần
2	Lệ phí ra cảng, bến thủy nội địa	
a)	Phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần từ 10 tấn đến 50 tấn	5.000 đồng /chuyến
b)	Phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần từ 51 tấn đến 200 tấn hoặc chở khách có sức chở từ 13 ghế đến 50 ghế	10.000 đồng/chuyến
c)	Phương tiện chở hàng, đoàn lai có trọng tải toàn phần từ 201 đến 500 tấn hoặc chở khách có sức chở từ 51 ghế đến 100 ghế	20.000 đồng/chuyến
d)	Phương tiện chở hàng, đoàn lai có trọng tải toàn phần từ 501 tấn đến 1.000 tấn hoặc chở khách từ 101 ghế trở lên.	30.000 đồng/chuyến
đ)	Phương tiện chở hàng, đoàn lai có trọng tải toàn phần từ 1.001 tấn đến 1.500 tấn.	40.000 đồng/chuyến
e)	Phương tiện chở hàng, đoàn lai có trọng tải toàn phần từ 1.501 tấn trở lên.	50.000 đồng/chuyến

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Thông báo phương tiện đến cảng thủy nội địa;
- Giấy phép rời cảng thủy nội địa;
- Bản khai chung;
- Danh sách thuyền viên;
- Danh sách hành khách;
- Bản khai hàng hóa;
- Bản khai kiểm dịch thực vật đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch thực vật;
- Bản khai kiểm dịch động vật đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch động vật;
- Bản khai vũ khí và vật liệu nổ (nếu có);
- Bản khai người trốn trên tàu (nếu có).

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.
- Thông tư số 248/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa.

Mẫu: THÔNG BÁO PHƯƠNG TIỆN ĐẾN CẢNG THỦY NỘI ĐỊA**THÔNG BÁO TÀU ĐẾN/RỜI CẢNG
NOTICE OF VESSEL ARRIVAL/DEPARTURE AT PORTS**

Tên và loại tàu: Name and type of ship		Cầu, bến xin cập/rời Name of berth required	Thời gian dự kiến đến vùng đón trả hoa tiêu E.T.A at Pilot Stat
		Thời gian dự kiến cập/rời cầu ETB/ETD	Tốc độ điều động hết máy Full manoeuvring speed
Quốc tịch tàu Flag State of ship	Tên thuyền trưởng Name of master	Cảng rời cuối cùng Last port of call	Cảng tới Nextport
Giấy chứng nhận đăng ký (số, ngày cấp, cảng) Certificate of registry (Number, date of issue, and Port)		Tên và địa chỉ của chủ tàu Name and address of the shipowners Tên và địa chỉ liên lạc của người khai thác tàu: Name and contact details of the ship operators	
Chiều dài lớn nhất Lenght over all (LOA)	Chiều rộng Breadth	Chiều cao tính không Air draft	Mớn nước thực tế khi đến/rời Actual draft on arrival/departure Mũi(F).....Lái (A).....
Tổng dung tích Gross tonnage (GT)	Trọng tải toàn phần Deadweight (DWT)	Đại lý của chủ tàu Name of shipowners/agents Địa chỉ: Tel: Fax: Đại lý viên: Mobi:	
Mục đích đến cảng Purpose of call	Tàu lai hỗ trợ Tug boat	Chân vịt ngang mũi/lái/công suất Bow/Stern thruster/Power	
Số lượng hàng hóa vận chuyển trên tàu:..... Loại hàng..... Quantity of cargoe on board Types of cargoe Hàng nhập:..... Hàng xuất:..... Hàng nhập nội địa..... Hàng xuất nội địa..... Import Export Domestic in Domestic out			
Số thuyền viên (gồm cả thuyền trưởng) Number of crew (incl. Master)	Số hành khách Number of passengers	Ghi chú: Remarks	
Những người khác trên tàu Other persom on board			

..., ngày tháng năm

Date

ĐẠI LÝ HOẶC CHỦ TÀU

Agent of Master

Mẫu: GIẤY PHÉP RỜI CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
ĐẠI DIỆN CẢNG VỤ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Số:/GP...

GIẤY PHÉP RỜI
CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

Tên tàu.....
 Quốc tịch tàu:
 Dung tích toàn phần:
 Tên thuyền trưởng:
 Số thuyền viên:
 Số hành khách:
 Hàng hóa trên tàu:
 Hàng hóa quá cảnh:
 Rời cảng:
 Lúc: giờ ngày/...../.....
 Có hiệu lực đến... giờ ... ngày... tháng... năm ...
 Nơi đến:
 để
 Tuyến hành trình:
 Thời gian dự kiến đến:
 Lưu ý về luồng lạch, bão, lũ và các thông tin cần
 thiết khác:
 Ngày tháng năm

NGƯỜI CẤP GIẤY PHÉP

CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 Inland Waterway Port Authority area **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
ĐẠI DIỆN CẢNG VỤ **Socialist Republic of Vietnam**
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA **Independence - Freedom - Happiness**
Representative ...

Số:/GP...

N°

GIẤY PHÉP RỜI CẢNG THỦY NỘI ĐỊA
PORT CLEARANCE

Tên tàu: Quốc tịch tàu:
 Name of ship:..... Flag Stage of ship.....
 Dung tích toàn phần(Gross tonnage):.....
 Tên thuyền trưởng:; Số thuyền viên:
 Name of Master/Captain.....; Number of crews.....
 Số hành khách (Number of passengers):.....
 Hàng hóa trên tàu:.....; Hàng hóa quá cảnh:.....
 Cargo.....; Transit cargo.....
 Thời gian rời cảng:(1) giờ.....ngày..... tháng..... năm.....
 Time of departure Date.....
 Cảng đến:
 Next port of call
 Giấy phép rời cảng này có hiệu lực đến ... giờ ... ngày... tháng... năm ...
 This port clearance is valid until
 Lưu ý về luồng lạch, bão, lũ và các thông tin cần thiết khác:
 Others related information:
 Ngày tháng năm

Date

NGƯỜI CẤP GIẤY PHÉP (issuing authority)

Ghi chú: Giấy phép đóng dấu treo treo của Cảng vụ hoặc Đại diện Cảng vụ trên góc trái phía trên; (1) hoặc là khu neo đậu.

Mẫu: BẢN KHAI CHUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom - Happiness

**BẢN KHAI CHUNG
GENERAL DECLARATION**

		Đến Arrival	Rời Departure
1.1 Tên và loại tàu: Name and type of ship:		2. Cảng đến/rời Port of arrival/departure	3. Thời gian đến/rời cảng Date - time of arrival/depar ture
1.2 Số IMO: IMO number:			
1.3 Hồ hiệu: Call sign:			
1.4 Số chuyến đi: Voyage number:			
4. Quốc tịch tàu Flag State of ship	5. Tên thuyền trưởng Name of master	6. Cảng rời cuối cùng/cảng đích: Last port of call/next port of call	
7. Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng) Certificate of registry (Port, date; number)		8. Tên và địa chỉ liên lạc của đại lý/người làm thủ tục: Name and contact details of the Agent	
9. Tổng dung tích Gross tonnage	10. Dung tích có ích Net tonnage		
11. Vị trí tàu tại cảng: Position of the ship in the port (berth or station)			
12. Đặc điểm chính của chuyến đi: Briefering the main particulars of voyage: Các cảng trước: Previous ports of call: Các cảng sẽ đến: Subsequent ports of call: Các cảng sẽ dỡ hàng: Ports where remaining cargo will be discharged Số hàng còn lại: Remaining cargo			
13. Thông tin về hàng hóa vận chuyển trên tàu: Description of the cargo			
Loại hàng hóa Kind of cargo	Tên hàng hóa Cargo name	Số lượng hàng hóa The quantity of cargo	Đơn vị tính Unit
Thông tin về hàng hóa quá cảnh: Description of the cargo in transit			

Loại hàng Kind of cargo	Tên hàng hóa Cargo name	Số lượng hàng hóa The quantity of cargo	Số lượng hàng hóa quá cảnh xếp dỡ tại cảng The quantity of cargo in transit loading, discharging	Đơn vị tính Unit
14. Số thuyền viên (gồm cả thuyền trưởng) Number of crew (incl. Master/Captian)	15. Số hành khách Number of passenger	16. Ghi chú: Remarks		
Tài liệu đính kèm (ghi rõ số bản) Attached documents (indicate number of copies)				
17. Bản khai hàng hóa: Cargo Declaration	18. Bản khai dự trữ của tàu Ship's Stores Declaration			
19. Danh sách thuyền viên Crew List	20. Danh sách hành khách Passenger List	21. Yêu cầu về phương tiện tiếp nhận và xử lý chất thải The ship's requirements in terms of waste and residue reception facilities		
22. Bản khai hành lý thuyền viên(*) Crew's luggage Declaration(*)	23. Bản khai kiểm dịch y tế(*) Declaration of Health(*)			

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Date

Thuyền trưởng (đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Master/Captian (or agent/ officer authorized)

(*) Mục này chỉ khai khi tàu đến cảng
Only on arrival

Mẫu: DANH SÁCH THUYỀN VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom - Happiness

DANH SÁCH THUYỀN VIÊN

CREW LIST

		Đến Arrival			Rời Departure	Trang số: Page No:
1.1 Tên tàu: Name of ship		2. Cảng đến/rời: Port of arrival/departure:			3. Ngày đến/rời: Date of arrival/departure:	
Số đăng ký: Registration number:						
1.2. Số chuyến đi: Voyage number:						
4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship			5. Cảng rời cuối cùng: Last port of call:			
6. STT No	7. Họ và tên Family name, given name	8. Chức danh Rank or rating/ Title	9. Quốc tịch Nationality	10. Ngày và nơi sinh Date and place of birth	11. Loại và Số hộ chiếu Nature and No. of identity document (seaman's passport)	

....., ngày tháng năm 20 ...

Date.....

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)

Captian/Master (Agent/officer Authorized)

Mẫu: DANH SÁCH HÀNH KHÁCH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Socialist Republic of Vietnam****Independence - Freedom - Happiness****DANH SÁCH HÀNH KHÁCH****PASSENGEN LIST**

		Đến Arrival			Rời Departure	Trang số: Page No:	
1.1 Tên tàu: Name of ship		2. Cảng đến/rời: Port of arrival/departure			3. Ngày đến/rời: Date of arrival/departure		
1.2. Số chuyến đi: Voyage number							
4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship							
5. Họ và tên Family name, given name	6. Quốc tịch Nationality	7. Ngày và nơi sinh Date and place of birth	8. Loại Hộ chiếu Type of identity of travel document	9. Số hộ chiếu Serial number of identity or travel document/ Passport	10. Cảng lên tàu Port of embarkation	11. Cảng rời tàu Port of disembarkation	12. Hành khách quá cảnh hay không Transit passenger or not

....., ngày tháng năm 20 ...

Date.....

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)**Master/Captian (Agent/officer Authorized)**

Mẫu: BẢN KHAI HÀNG HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI HÀNG HÓA CARGO DECLARATION

	<input type="checkbox"/> Đến Arrival	<input type="checkbox"/> Rời Departure	Trang số: Page No:	
	1.1 Tên tàu: Name of ship:		2. Cảng lập bản khai: Port where report is made	
	1.2. Số chuyến đi: Voyage number			
	3. Quốc tịch tàu Flag State of ship	4. Tên thuyền trưởng Name of master/Captian	5. Cảng bốc/dỡ hàng hóa: Port of loading/Port of discharge	
Vận đơn số* B/L No	6. Ký hiệu và số ký hiệu hàng hóa Marks and Nos	7. Số và loại bao kiện; loại hàng hóa, mã hàng hóa Number and kind of packages; description of goods, or, if available, the HS code	8. Tổng trọng lượng: Gross weight	9. Kích thước Measurement

* Số Vận đơn: Khai cảng nhận hàng chính thức theo phương thức vận tải đa phương thức hoặc vận đơn suốt.

B/L No: Also State original port by shipment using multimodal transport document or through Bill of Lading.

....., ngày ... tháng ... năm

Date

Thuyền trưởng (đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Master (Authorized agent or officer)

**Mẫu: BẢN KHAI KIỂM DỊCH THỰC VẬT ĐỐI VỚI HÀNG HÓA
THUỘC ĐIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI KIỂM DỊCH THỰC VẬT
DECLARATION FOR PLANT QUARANTINE

Tên tàu:..... Quốc tịch tàu:
 Name of ship..... State of ship

Tên thuyền trưởng:..... Tên bác sỹ:
 Name of master..... Name of doctor:

Số thuyền viên:..... Số hành khách:
 Number of crew..... Number of passengers:

Cảng rời cuối cùng:..... Cảng đến tiếp theo:
 Last port of call..... Next port of call:

Cảng bốc hàng đầu tiên và ngày rời cảng đó:
 The first port of loading and the date of departure:

Tên, số lượng, khối lượng hàng thực vật nhận ở cảng đầu tiên:
 Name, quantity and weight of plant goods loaded at the first port:

Tên, số lượng, khối lượng hàng thực vật nhận ở các cảng trung gian và tên các cảng đó:.....

Name, quantity, weight of plant goods loaded at the intermediate ports and the names of these ports:

Tên, số lượng và khối lượng hàng thực vật cần bốc ở cảng này:
 Name, quantity and weight of plant goods to be discharged at this port:

Thuyền trưởng cam đoan những điều khai ở trên là đúng và chịu trách nhiệm chấp hành đầy đủ các quy định về kiểm dịch thực vật.

The Master guarantees the correctness of the above mentioned declarations and his responsibility for full compliance with the said regulations on plant quarantine.

....., ngày ... tháng ... năm 20 ...
 Date...

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
 Master (Authorized agent or officer)

**Mẫu: BẢN KHAI KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT ĐỐI VỚI HÀNG HÓA
THUỘC ĐIỆN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom - Happiness

**BẢN KHAI KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
DECLARATION FOR ANIMAL QUARANTINE**

Tên tàu:..... Quốc tịch tàu:
Name of ship..... State of ship

Tên thuyền trưởng:..... Tên hành khách:
Name of master..... Name of passengers:

Cảng rời cuối cùng:..... Cảng đến tiếp theo:
Last port of call..... Next port of call:

Tên hàng động vật và sản phẩm động vật nhận ở cảng đầu tiên:
Animal and animal products loaded at the first port:

Tên hàng động vật và sản phẩm động vật dỡ ở các cảng trung gian và tên cảng đó:.....

Animal and animal products loaded at the intermediate ports and the name of the ports:.....

Tên hàng động vật và sản phẩm động vật dỡ ở cảng này:
Animal and animal products to be discharged at this port:

Thuyền trưởng cam đoan những điều khai ở trên là đúng và chịu trách nhiệm chấp hành đầy đủ các quy định về kiểm dịch động vật.

The Master guarantees the correctness of the above mentioned declarations and his responsibility for full compliance with the said regulations on animal quarantine.

....., ngày ... tháng ... năm 20 ...

Date...

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)

Master (Authorized agent or officer)

Mẫu BẢN KHAI VŨ KHÍ VÀ VẬT LIỆU NỔ

BẢN KHAI VŨ KHÍ VÀ VẬT LIỆU NỔ
DECLARATION OF ARMS AND EXPLOSIVE MATERIALS

Trang số:
Page number:

Tên tàu:..... Số IMO:
Name of ship..... IMO number
Quốc tịch tàu: Hồ hiệu:
Flag State of ship..... Call sign:
Tên thuyền trưởng:..... Đại lý tàu biển:
Master 's name Shipping agent:

Thứ tự Order	Loại vũ khí và vật liệu nổ Kind and description of arm and explosive material	Số lượng Quantity	Tên và số hiệu Mask and number	Nơi cất giữ, bảo quản Stored place

CHỮ KÝ ĐẠI LÝ
Agent's signature

CHỮ KÝ THUYỀN TRƯỞNG
Master's signature

ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN
Place and date

ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN
Place and date

Mẫu: BẢN KHAI NGƯỜI TRÓN TRÊN TÀU

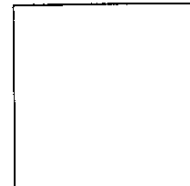
**BẢN KHAI NGƯỜI TRÓN TRÊN TÀU
DECLARATION OF STOWAWAY**

1. Chi tiết về tàu/Ship details

Tên tàu/Name of ship:..... Đại lý cảng tiếp /Agent in next port:.....
Số IMO/IMO number:..... Địa chỉ đại lý/Agent address:.....
Quốc tịch tàu/Flag State of ship:..... IRCS:
Công ty tàu/Company:..... Số INMARSAT/INMARSAT number:.....
Địa chỉ công ty/Company address:..... Cảng đăng ký/Port of registry:
Tên thuyền trưởng/Name of the Master:.....
Đại lý tàu biển/Shipping agent:

2. Chi tiết về người trốn trên tàu/Stow away details

Thời gian phát hiện trên tàu/Date/time found on board:
Nơi tìm thấy trên tàu/Place of boarding:
Quốc gia xảy ra việc trốn lên tàu/Country of boarding:
Thời gian xảy ra việc trốn lên tàu/ Date/time of boarding:
Đích cuối cùng của người trốn trên tàu/Intended final destination:
Lời khai lý do trốn trên tàu/Stated reasons for boarding ship:
Họ/Surname:
Tên/Given name:
Tên khác/Name by which known:
Giới tính/Gender:
Ngày sinh/Date of birth:
Nơi sinh/Place of birth:
Khai báo về quốc tịch/Claimed nationality:
Địa chỉ nhà riêng/Home address:
Quốc gia cư trú/Country of domicile:
Số-loại giấy tờ/ID-document type, e.g. Passport No:
Số Chứng minh hoặc số thuyền viên/ID- Card No. or Seaman's book No:
Nếu có/If yes,
Ngày cấp/When issued:
Nơi cấp /Where issued:
Ngày hết hạn/Date of expiry:
Cơ quan cấp/Issued by:
Ảnh của người trốn trên tàu/Photograph of the stowaway:
Đặc điểm nhận dạng của người trốn trên tàu/
General physical description of the stowaway
.....
.....
Ngôn ngữ sử dụng chính/First language:
Khả năng nói, diễn đạt/Spoken:
Khả năng đọc /Read:



Khả năng viết/Written:

Ngôn ngữ khác/Other languages:

Khả năng nói, diễn đạt/Spoken:

Khả năng đọc/Read:

Khả năng viết/ Written:

3. Các chi tiết khác/Other details

(1) Phương thức trốn trên tàu, bao gồm cả những người liên quan (Ví dụ: Thủy thủ, công nhân cảng.v.v.) và cả người trốn trong hàng hóa/container hoặc ẩn ở trên tàu/Method of boarding, including other persons involved (e.g. crew, port workers, etc.), and whether the Stowaway was secreted in cargo/container or hidden in the ship:

(2) Kiểm kê tài sản người trốn trên tàu/Inventory of the Stowaway's possessions:

(3) Tờ khai của người trốn trên tàu/Statement made by the Stowaway:

(4) Tờ khai của Thuyền trưởng (bao gồm cả những nhận xét về tính xác thực về những thông tin mà người trốn trên tàu khai)/Statement made by the Master (including any observations on the credibility of the information provided by the Stowaway).

Các ngày thực hiện phỏng vấn/Date(s) of Interview (s):

CHỮ KÝ
NGƯỜI TRỐN TRÊN TÀU
STOWAWAY'S
SIGNATURE

CHỮ KÝ
THUYỀN TRƯỞNG
MASTER'S
SIGNATURE

CHỮ KÝ ĐẠI LÝ
AGENT'S SIGNATURE

DATE:

DATE:

DATE:

5. Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia xuất cảnh rời cảng thủy nội địa Việt Nam (Mã TTHC: 1.009441)

5.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Chậm nhất 02 giờ, trước khi phương tiện rời cảng thủy nội địa, người làm thủ tục khai báo giấy tờ sau đây theo phương thức điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia (địa chỉ: <https://vns.w.gov.vn>) hồ sơ theo hướng dẫn tại Mục 5.3.

b) Bước 2: Xuất trình chứng từ

Các chứng từ phải xuất trình cho Cảng vụ, Cơ quan hải quan, Bộ đội biên phòng, Cơ quan kiểm dịch thực vật, Cơ quan kiểm dịch động vật, Cơ quan kiểm dịch y tế theo hướng dẫn tại Mục 5.3.

c) Bước 3: Tiếp nhận hồ sơ

- Kiểm tra các loại giấy chứng nhận của phương tiện và thuyền viên.

+ Cảng vụ kiểm tra các thông tin khai báo, tra cứu dữ liệu của phương tiện, thuyền viên trên cơ sở dữ liệu điện tử của các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết thủ tục cấp giấy phép rời cảng thủy nội địa cho phương tiện;

+ Cảng vụ chỉ yêu cầu người làm thủ tục nộp, xuất trình các giấy tờ trong trường hợp cơ sở dữ liệu không có dữ liệu của phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện hoặc không đủ dữ liệu điện tử để kiểm tra, đối chiếu hoặc không bảo đảm điều kiện của chứng từ điện tử và người làm thủ tục chỉ việc khai báo dữ liệu lần đầu về phương tiện, thuyền viên trên phần mềm điện tử (do người làm thủ tục lựa chọn). Cảng vụ làm thủ tục cuối cùng kiểm tra, đối chiếu dữ liệu khai báo với bản chính xuất trình để giải quyết thủ tục cho phương tiện rời cảng thủy nội địa Việt Nam hoặc khi có sự thay đổi. Cơ sở dữ liệu về thuyền viên, người lái phương tiện, phương tiện rời cảng thủy nội địa Việt Nam được lưu giữ trên phần mềm điện tử để làm cơ sở dữ liệu cho những lần làm thủ tục tiếp theo.

- Thời hạn nộp hoặc xuất trình các giấy tờ không có trong cơ sở dữ liệu: Chậm nhất 02 giờ, trước khi phương tiện rời cảng và cửa khẩu. Đối với phương tiện chở khách có thể thực hiện ngay tại thời điểm phương tiện chuẩn bị rời cảng và cửa khẩu.

- Cảng vụ có trách nhiệm kiểm tra các giấy tờ quy định tại Mục 5.3.1.1 và điểm a Mục 5.3.1.2; chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với giấy tờ quy định tại điểm a Mục 5.3.1.1 trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau.

- Cơ quan hải quan chịu trách nhiệm trong việc kiểm tra các giấy tờ quy định tại Mục 5.3.1.1 và điểm b Mục 5.3.1.2; chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với giấy tờ quy định tại điểm b Mục 5.3.1.2 trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau.

- Bộ đội Biên phòng cửa khẩu chịu trách nhiệm trong việc kiểm tra các chứng từ quy định tại các điểm a, b, c Mục 5.3.1.1 và điểm c Mục 5.3.1.2; chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với giấy tờ quy định tại các điểm b, c Mục 5.3.1.1 trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau.

- Cơ quan kiểm dịch thực vật có trách nhiệm kiểm tra các giấy tờ quy định tại điểm a Mục 5.3.1.1 và điểm d Mục 5.3.1.2, chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với giấy tờ quy định tại điểm d Mục 5.3.1.2 trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau.

- Cơ quan kiểm dịch động vật có trách nhiệm kiểm tra các chứng từ quy định tại điểm a Mục 5.3.1.1 và điểm đ Mục 5.3.1.2, chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với giấy tờ quy định tại điểm đ Mục 5.3.1.2 trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau.

- Cơ quan kiểm dịch y tế có trách nhiệm kiểm tra giấy tờ quy định tại điểm e Mục 5.3.1.2, chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với giấy tờ quy định tại điểm e Mục 5.3.1.2 trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau.

d) Bước 4: Chậm nhất 30 phút, kể từ khi người làm thủ tục hoàn thành các thủ tục khai báo điện tử và xuất trình đầy đủ các giấy tờ theo quy định, trên cơ sở ý kiến phản hồi của các đơn vị liên quan; Cảng vụ cấp giấy phép cho phương tiện rời cảng thủy nội địa thông qua phần mềm điện tử.

Trường hợp phương tiện đã được cấp giấy phép rời cảng thủy nội địa nhưng ra đến cửa khẩu, cơ quan chức năng tại cửa khẩu không cho phương tiện xuất cảnh thì phải trả lời cho chủ phương tiện biết và nêu rõ lý do, đồng thời thông báo cho Cảng vụ cấp giấy phép rời cảng biết.

5.2. Cách thức thực hiện: Thực hiện theo phương thức điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia tại địa chỉ <https://vns.gov.vn>.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

5.3.1. Thành phần hồ sơ:

5.3.1.1. Chậm nhất 02 giờ, trước khi phương tiện rời cảng thủy nội địa, người làm thủ tục khai báo giấy tờ sau đây theo hình thức điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia, gồm:

- a) Thông báo phương tiện rời cảng thủy nội địa theo mẫu.
- b) Danh sách thuyền viên, người lái phương tiện với đầy đủ chức danh.
- c) Danh sách hành khách (đối với phương tiện chở hành khách).

d) Bản khai hàng hóa, hợp đồng vận chuyên hoặc hóa đơn xuất kho hoặc giấy vận chuyên (đối với phương tiện chở hàng hóa).

5.3.1.2. Chứng từ phải xuất trình:

a) Giấy tờ xuất trình cho Cảng vụ: Giấy tờ liên quan đến hàng hóa vận tải trên phương tiện; giấy tờ xác nhận việc nộp phí, lệ phí quy định của pháp luật, trừ trường hợp thanh toán điện tử; giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện; giấy tờ liên quan tới những thay đổi so với giấy tờ khi làm thủ tục cho phương tiện vào cảng thủy nội địa.

b) Giấy tờ xuất trình cho Cơ quan Hải quan: Giấy tờ liên quan đến hàng hóa vận tải trên phương tiện.

c) Giấy tờ xuất trình cho Bộ đội Biên phòng cửa khẩu: Hộ chiếu và giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế của thuyền viên, hành khách (nếu có).

d) Giấy tờ xuất trình cho cơ quan kiểm dịch thực vật: Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch thực vật).

đ) Giấy tờ xuất trình cho cơ quan kiểm dịch động vật: Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật của nước xuất hàng (đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch động vật).

e) Giấy tờ xuất trình cho cơ quan kiểm dịch y tế: Giấy chứng nhận tiêm chủng quốc gia của thuyền viên, người lái phương tiện, hành khách (trong trường hợp xuất phát hoặc đi qua vùng có dịch hoặc bị nghi ngờ mắc bệnh hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm).

5.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

5.4. Thời hạn giải quyết:

Chậm nhất 30 phút, kể từ khi người làm thủ tục hoàn thành các thủ tục khai báo điện tử và xuất trình đầy đủ các giấy tờ theo quy định, trên cơ sở ý kiến phản hồi của các cơ quan liên quan.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức hoặc cá nhân.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Bên Cảng vụ Đường thủy nội địa thành phố Đà Nẵng.

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan hải quan, Bộ đội biên phòng, Cơ quan kiểm dịch thực vật, Cơ quan kiểm dịch động vật, Cơ quan kiểm dịch y tế.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép điện tử cho phương tiện rời cảng thủy nội địa thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

5.8. Phí, lệ phí: Mức thu phí, lệ phí áp dụng tại Cảng vụ Đường thủy nội địa quy định như sau:

TT	Nội dung các khoản thu	Mức thu
1	Phí trọng tải	
	Lướt ra (kể cả có tải, không tải)	465 đồng/tấn trọng tải toàn phần
2	Lệ phí ra cảng, bến thủy nội địa	
a)	Phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần từ 10 tấn đến 50 tấn	5.000 đồng /chuyến
b)	Phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần từ 51 tấn đến 200 tấn hoặc chở khách có sức chở từ 13 ghế đến 50 ghế	10.000 đồng/chuyến
c)	Phương tiện chở hàng, đoàn lái có trọng tải toàn phần từ 201 đến 500 tấn hoặc chở khách có sức chở từ 51 ghế đến 100 ghế	20.000 đồng/chuyến
d)	Phương tiện chở hàng, đoàn lái có trọng tải toàn phần từ 501 tấn đến 1.000 tấn hoặc chở khách từ 101 ghế trở lên.	30.000 đồng/chuyến
đ)	Phương tiện chở hàng, đoàn lái có trọng tải toàn phần từ 1.001 tấn đến 1.500 tấn.	40.000 đồng/chuyến
e)	Phương tiện chở hàng, đoàn lái có trọng tải toàn phần từ 1.501 tấn trở lên.	50.000 đồng/chuyến

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Thông báo phương tiện rời cảng thủy nội địa.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

- Thông tư số 248/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa.

Mẫu: THÔNG BÁO PHƯƠNG TIỆN RỜI CẢNG THỦY NỘI ĐỊA**THÔNG BÁO TÀU ĐẾN/RỜI CẢNG
NOTICE OF VESSEL ARRIVAL/DEPARTURE AT PORTS**

Tên và loại tàu: Name and type of ship		Cầu, bến xin cập/rời Name of berth required	Thời gian dự kiến đến vùng đón trả hoa tiêu E.T.A at Pilot Stat
		Thời gian dự kiến cập/rời cầu ETB/ETD	Tốc độ điều động hết máy Full manoeuvring speed
Quốc tịch tàu Flag State of ship	Tên thuyền trưởng Name of master	Cảng rời cuối cùng Last port of call	Cảng tới Nextport
Giấy chứng nhận đăng ký (số, ngày cấp, cảng) Certificate of registry (Number, date of issue, and Port)		Tên và địa chỉ của chủ tàu Name and address of the shipowners Tên và địa chỉ liên lạc của người khai thác tàu Name and contact details of the ship operators	
Chiều dài lớn nhất Length over all (LOA)	Chiều rộng Breadth	Chiều cao tính không Air draft	Mớn nước thực tế khi đến/rời Actual draft on arrival/departure Mũi(F).....Lái (A).....
Tổng dung tích Gross tonnage (GT)	Trọng tải toàn phần Deadweight (DWT)	Đại lý của chủ tàu Name of shipowners/agents Địa chỉ: Tel: Fax: Đại lý viên: Mobi:	
Mục đích đến cảng Purpose of call	Tàu lai hỗ trợ Tug boat	Chân vịt ngang mũi/lái/công suất Bow/Stern thruster/Power	
Số lượng hàng hóa vận chuyển trên tàu:..... Quantity of cargo on board		Loại hàng Types of cargo	
Hàng nhập:..... Import	Hàng xuất:..... Export	Hàng nhập nội địa:..... Domestic in	
Hàng xuất nội địa:..... Domestic out			
Số thuyền viên (gồm cả thuyền trưởng): Number of crew (incl. Master)	Số hành khách Number of passengers	Ghi chú: Remarks	
Những người khác trên tàu Other persons on board			

....., ngày tháng năm 20 ...

Date.....

Thuyền trưởng (hoặc đại lý)

Master (or authorized agent)

6. Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa (Mã TTHC: 1.009463)

6.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ của thủ tục này và nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả một cửa Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ <https://dichvucong.danang.gov.vn>. để thỏa thuận đối với hoạt động nạo vét cải tạo vùng nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu thuộc phạm vi quản lý.

- Bước 2: Cảng vụ đường thủy nội địa tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các loại giấy tờ trong hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ.

- Bước 3: Cảng vụ đường thủy nội địa thẩm định hồ sơ:

a) Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu thì tiến hành giải quyết.

b) Trường hợp xét thấy hồ sơ không đạt yêu cầu thì có phiếu hướng dẫn yêu cầu bổ sung.

- Bước 4: Trả kết quả cho tổ chức, công dân.

6.2. Cách thức thực hiện:

- Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả một cửa Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ <https://dichvucong.danang.gov.vn>.

- Hồ sơ được trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả một cửa Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

6.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

6.3.1. Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị thỏa thuận xây dựng công trình theo mẫu.

- Bản vẽ thể hiện phạm vi khu vực hoạt động, phạm vi luồng và hành lang bảo vệ luồng, khoảng cách đến các công trình liên quan ở khu vực và phương án bố trí báo hiệu bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa.

- Bản vẽ các mặt cắt ngang và hồ sơ mốc để xác định phạm vi, cao trình nạo vét, khai thác tài nguyên, khoáng sản (đối với hoạt động nạo vét cải tạo vùng nước cảng, bến thủy nội địa, luồng chuyên dùng vào cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu).

6.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

6.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

6.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức hoặc cá nhân.

6.6. Cơ quan thực hiện TTHC: Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Đà Nẵng.

6.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản thỏa thuận.

6.8. Phí, lệ phí: Không

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị thỏa thuận theo mẫu.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

6.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014;
- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ THỎA THUẬN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Thỏa thuận vị trí xây dựng công trình (không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa) hoặc tổ chức hoạt động trên đường thủy nội địa**

Kính gửi:(1).....

Căn cứ Nghị định số/2021/NĐ-CP ngàytháng.....năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số ngày tháng..... năm ... tại.....

Địa chỉ: Số điện thoại liên hệ:

Đề nghị xây dựng công trình (tổ chức hoạt động) (2)

1. Vị trí dự kiến xây dựng (hoạt động) có tọa độ (3).....

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông (kênh)

Thuộc địa phận: Xã (phường) huyện (quận)

Tỉnh (thành phố)

2. Quy mô dự kiến xây dựng (hoạt động)

3. Mục đích sử dụng

4. Phạm vi vùng đất, nước sử dụng

5. Mức độ ảnh hưởng đến an toàn giao thông.....

6. Hồ sơ kèm theo gồm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật liên quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu, VT,...

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận.

(2) Tên công trình, hoạt động.

(3) Trên bờ hay trên vùng nước và sử dụng hệ tọa độ VN 2000.

7. Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông (Mã TTHC: 1.009465)

7.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ của thủ tục này và nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả một cửa Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ <https://dichvucong.danang.gov.vn>, để thỏa thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với hoạt động sửa chữa, cải tạo nâng cấp và hoạt động khác trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ đường thủy nội địa.

- Bước 2: Cảng vụ đường thủy nội địa tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các loại giấy tờ trong hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ.

- Bước 3: Cảng vụ đường thủy nội địa thẩm định hồ sơ:

a) Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu thì tiến hành giải quyết.

b) Trường hợp xét thấy hồ sơ không đạt yêu cầu thì có phiếu hướng dẫn yêu cầu bổ sung.

- Bước 4: Trả kết quả cho tổ chức, công dân.

7.2. Hình thức thực hiện:

- Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả một cửa Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ <https://dichvucong.danang.gov.vn>.

- Hồ sơ được trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả một cửa Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

7.3.1. Thành phần hồ sơ:

a) Nội dung phương án đảm bảo an toàn giao thông

- Thông tin chung về công trình, dự án đầu tư xây dựng, tổ chức hoạt động.

- Thời gian thi công, xây dựng, tổ chức hoạt động.

- Phương án thi công, tổ chức hoạt động.

- Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông.

- Phương án tổ chức và phối hợp thực hiện bảo đảm an toàn giao thông.

b) Hồ sơ đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông

- Đơn đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông theo mẫu;

- Phương án thi công, thời gian, tiến độ thi công công trình, tổ chức hoạt động;

- Phương án bảo đảm an toàn giao thông;

- Bản sao bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể của công trình, phạm vi khu vực tổ chức thi công công trình, tổ chức hoạt động.

7.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

7.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

7.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức hoặc cá nhân.

7.6. Cơ quan thực hiện TTHC: Cảng vụ đường thủy nội địa TP Đà Nẵng.

7.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản chấp thuận.

7.8. Phí, lệ phí: không

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông theo mẫu.

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

7.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

**Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN PHƯƠNG ÁN
BẢO ĐẢM AN TOÀN GIAO THÔNG**

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông

Kính gửi:(1).....

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số ngày tháng..... năm ... tại.....

Địa chỉ: Số điện thoại liên hệ:

Đề nghị(1) xem xét chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình(2) tại (3) với các thông tin như sau:

1. Tên công trình:
2. Vị trí xây dựng công trình
3. Thời gian xây dựng công trình
4. Phương án bảo đảm an toàn giao thông
5. Bản sao văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có).
6. Hồ sơ gửi kèm gồm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu, VT,...

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.
- (2) Đầu tư, xây dựng, thi công, khai thác,... tên công trình.
- (3) Tên khu vực, tuyến, luồng, vùng nước...

8. Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa (Mã TTHC: 1.009464)

8.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ của thủ tục này và nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả một cửa Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ <https://dichvucong.danang.gov.vn> để đề nghị công bố hạn chế giao thông trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ Đường thủy nội địa.

- Bước 2: Cảng vụ đường thủy nội địa tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các loại giấy tờ trong hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ.

- Bước 3: Cảng vụ đường thủy nội địa thẩm định hồ sơ:

a) Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu thì tiến hành giải quyết.

b) Trường hợp xét thấy hồ sơ không đạt yêu cầu thì có phiếu hướng dẫn yêu cầu bổ sung.

- Bước 4: Trả kết quả cho tổ chức, công dân.

8.2. Hình thức thực hiện:

- Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả một cửa Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ <https://dichvucong.danang.gov.vn>.

- Hồ sơ được trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả một cửa Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

8.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

8.3.1. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa (ghi rõ vị trí, thời gian hạn chế thi công);

- Phương án đảm bảo đảm an toàn giao thông được phê duyệt.

8.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

8.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

8.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Chủ đầu tư, tổ chức hoặc cá nhân.

8.6. Cơ quan thực hiện TTHC: Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Đà Nẵng.

8.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa.

8.8. Phí, lệ phí: Không

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không.

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

8.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

9. Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (Mã TTHC: 1.004239)

9.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Chủ cảng hoặc người quản lý khai thác cảng hoàn thiện hồ sơ của thủ tục này và nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả một cửa Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ <https://dichvucong.danang.gov.vn>.

- Bước 2: Cảng vụ đường thủy nội địa tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các loại giấy tờ trong hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ.

- Bước 3: Cảng vụ đường thủy nội địa thẩm định hồ sơ:

a) Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu thì tiến hành giải quyết.

b) Trường hợp xét thấy hồ sơ không đạt yêu cầu thì có phiếu hướng dẫn yêu cầu bổ sung.

- Bước 4: Trả kết quả cho tổ chức, công dân.

9.2. Hình thức thực hiện:

- Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả một cửa Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ <https://dichvucong.danang.gov.vn>.

- Hồ sơ được trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả một cửa Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

9.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

9.3.1. Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị phê duyệt đánh giá an ninh theo mẫu;

- Bản đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài do chủ cảng hoặc người quản lý khai thác cảng tổ chức thực hiện lần đầu và định kỳ hàng năm theo mẫu và có sự tham gia của đại diện cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng. Thành phần tham gia họp đánh giá an ninh gồm: cơ quan công an cấp huyện, Đồn Biên phòng cửa khẩu cảng, Phòng Cảnh sát giao thông cấp tỉnh, Chi cục Hải Quan, Cảng vụ, Trung tâm Y tế dự phòng cấp huyện, cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật cấp huyện, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu.

9.3.2. Số lượng hồ sơ: 03 (ba) bộ hồ sơ.

9.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ đường thủy nội địa thẩm định hồ sơ và báo cáo kết quả thẩm định gửi kèm 02 bộ hồ sơ đến Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo của Cảng vụ đường thủy nội địa, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

9.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức hoặc cá nhân.

9.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cảng vụ Đường thủy nội địa.

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

9.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

9.8. Phí, lệ phí: 11.000.000 đồng/lần.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị phê duyệt đánh giá an ninh theo mẫu.

- Bản đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước.

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

9.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

**Mẫu: ĐÁNH GIÁ AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA
TIẾP NHẬN PHƯƠNG TIỆN THỦY NƯỚC NGOÀI**

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN

TÊN CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

(Lần đầu)

Tên cơ quan, bộ phận thực hiện:

Thời gian tổ chức đánh giá:

(Lưu ý: Đánh giá an ninh cảng thủy nội địa là tài liệu mật, nghiêm cấm việc sao chép, sử dụng, tiếp cận trái phép tài liệu này, trừ những người có trách nhiệm đối với công tác an ninh cảng thủy nội địa. Khi không sử dụng phải lưu trữ trong két bảo mật).

....., ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)

MỤC LỤC

Lời nói đầu

- I. Khái quát về cảng (1)
- II. Cơ sở pháp lý đối với việc đánh giá an ninh cảng thủy nội địa (2).
- III. Phương án thực hiện đánh giá an ninh cảng thủy nội địa (3).
- IV. Các tài sản, kết cấu hạ tầng quan trọng cần bảo vệ (4).
- V. Các mối đe dọa đối với cảng (5).
- VI. Hậu quả của các sự cố an ninh (6).
- VII. Các khuyến nghị.
- VIII. Các Phụ lục

Phụ lục 1: Sơ đồ cảng

Phụ lục 2: Danh mục các cầu, bến cảng

Phụ lục 3: Phân tích rủi ro đối với mối đe dọa, tình huống giả định áp vào một tài sản, kết cấu hạ tầng cụ thể, bao gồm các nội dung:

- Quan sát, khảo sát ngay tại vị trí tài sản, kết cấu hạ tầng được thiết lập để mô tả các đặc điểm, yếu tố của chúng dưới góc độ bảo đảm an ninh nếu tình huống giả định xảy ra. Cụ thể cần mô tả về:

- + Vị trí;
- + Vai trò, công dụng của tài sản, kết cấu hạ tầng và ảnh hưởng của nó đối với hoạt động chung của cảng;
- + Loại, cấp cấu trúc của tài sản, kết cấu hạ tầng;
- + Các kết cấu liền kề hoặc tiếp giáp với của tài sản, kết cấu hạ tầng;
- + Hàng rào vòng ngoài;
- + Các lối, vị trí, nơi ra vào hoặc có thể tiếp cận tài sản, kết cấu hạ tầng;
- + Các hệ thống, biện pháp an ninh, bảo vệ hiện đang được vận hành; quy định ra vào, báo động, giám sát xâm nhập, chiếu sáng, camera kiểm soát tiếp cận, xâm nhập v.v...

- Nhận xét về các khiếm khuyết, điểm yếu đối với các á đề nêu trong các nội dung đã được mô tả, nhất là về: hàng rào; lối ra vào, tiếp cận; việc lưu thông, qua lại khu vực tài sản, kết cấu hạ tầng; quy định, cách thức kiểm tra, kiểm soát; báo động; ý thức cảnh giác của cán bộ, nhân viên và việc phổ biến, huấn luyện về an ninh v.v...

- Các biện pháp an ninh cần thiết lập, áp dụng khi các Cấp độ an ninh cao hơn được thiết lập cho cảng thủy nội địa:

- + Cấp độ an ninh 2;
- + Cấp độ an ninh 3.

- Tính toán, lập Bảng kết quả phân tích rủi ro đối với các mối đe dọa tiềm ẩn, phù hợp với tình hình an ninh thực tế của cảng mình.

Ghi chú:

(1) Doanh nghiệp cảng tập hợp, thu thập thông tin về cảng thủy nội địa như sau:

- a) Vị trí địa lý, diện tích và ranh giới tiếp giáp (vùng đất cảng, vùng nước trước cảng);
- b) Vai trò của cảng đối với sự phát triển kinh tế của tỉnh, khu vực hoặc quốc gia;
- c) Số lượng và chủng loại hàng thông qua cảng;
- d) Số lượt tàu đến cảng trong năm, loại tàu và quốc tịch tàu;
- đ) Loại công trình cảng;
- e) Các kết cấu hạ tầng của cảng;
- g) Sơ đồ tổ chức, điều hành sản xuất, kinh doanh;
- h) Các nội quy, quy định, quy trình hiện hành liên quan đến trật tự, trị an cảng;

(2) Nêu rõ việc thực hiện các quy định của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ.

(3) Nêu các nội dung: thành phần tham gia đánh giá an ninh cảng thủy nội địa gồm những ai? Nội dung tập hợp thông tin về kết cấu hạ tầng quan trọng cần bảo vệ và các vấn đề liên quan thực hiện trong bao lâu?

(4) tham khảo mục 15.7 phần B của Bộ luật An ninh tàu và bến cảng (Bộ luật ISPS) để xác định những tài sản, kết cấu hạ tầng cụ thể nào là quan trọng, cần bảo vệ.

(5) Xác định các mối đe dọa đối với cảng như trộm cắp, buôn lậu ma túy, di cư, vượt biên trái phép và lậu vé; trộm cắp có vũ trang đối với tàu biển; phá hoại; khủng bố và tham khảo mục 15.11 Phần B của Bộ luật ISPS để xác định các mối đe dọa, sự cố an ninh cụ thể có thể xảy ra đối với cảng của mình.

(6) nêu những hậu quả chung và hậu quả, ảnh hưởng hậu quả của các tình huống giả định.

ĐÁNH GIÁ AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

STT	NỘI DUNG	ĐÁNH GIÁ	
I	Tổng quát		
1	Tên cảng thủy nội địa		
2	Doanh nghiệp cảng thủy nội địa		
3	Tên của cán bộ an ninh cảng thủy nội địa		
4	Số lượt tàu thuộc diện áp dụng quy định bảo đảm an ninh ghé vào cảng trong năm qua		
5	Loại tàu thuộc diện áp dụng quy định bảo đảm an ninh ghé vào cảng trong năm qua		
6	Thời gian kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa đã được phê duyệt		
7	Từ ngày được phê duyệt đến nay cảng có thay đổi lớn gì về kết cấu, trang thiết bị hay khai thác không?	<input type="checkbox"/> Có Chuyển đến Mục VI	<input type="checkbox"/> Không
8	Từ ngày được phê duyệt đến nay tại cảng có xảy ra sự cố an ninh nào không?	<input type="checkbox"/> Có Chuyển đến Mục VI	<input type="checkbox"/> Không
II	Tổ chức an ninh cảng và trách nhiệm		
1	Ban (bộ phận) an ninh cảng có được thành lập không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
2	Ban (bộ phận) an ninh cảng thủy nội địa có họp định kỳ không?	<input type="checkbox"/> Có chu kỳ	<input type="checkbox"/> Không
3	Cán bộ an ninh có được chỉ định bằng văn bản không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
4	Các thành viên trong ban (bộ phận) an ninh cảng thủy nội địa có hiểu rõ trách nhiệm của mình không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
5	Các nhân viên bảo vệ có hiểu rõ trách nhiệm của mình không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
6	Các nhân viên khác trong cảng có hiểu rõ trách nhiệm của mình không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
7	Cảng có thiết lập các quy trình nhằm bảo vệ các thông tin nhạy cảm về an ninh đường thủy nội địa, kể cả Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
8	Cảng có thiết lập mối quan hệ với các cơ quan có liên quan đến an ninh đường thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
9	Cảng có ký bản cam kết an ninh với tàu không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không

III	Các biện pháp an ninh		
1	Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát tiếp cận cảng thủy nội địa		
1.1	Các biện pháp an ninh thủy nội địa đang áp dụng có kiểm soát được	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Cán bộ, nhân viên tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Công nhân tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Khách tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Thuyền viên tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Những người khác tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Xe máy, xe đạp tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Xe ô tô chở (người, khách) tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Xe ô tô tải tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Phương tiện thủy tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
1.2	Cảng có xây dựng một hệ thống nhận dạng người và phương tiện ra vào cảng không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
1.3	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
1.4	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
2	Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát		
2.1	Các khu vực hạn chế trong cảng có được chỉ báo rõ ràng hay không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
2.2	Các biện pháp an ninh hiện đang áp dụng có kiểm soát được:		
	- Cán bộ, nhân viên tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Công nhân tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Khách tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Thuyền viên tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không

	- Những người khác tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Xe máy, xe đạp tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Xe ô tô con tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Xe ô tô tải tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Tàu có tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
2.3	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
2.4	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
3	Các biện pháp an ninh đối với hàng hóa		
3.1	Có thường xuyên kiểm tra giấy tờ hàng hóa để bảo đảm chỉ những hàng hóa đúng chủng loại mới được cho vào cảng và kho hay không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
3.2	Có thường xuyên kiểm tra người vận chuyển hàng hóa để bảo đảm những người này được phép chở hàng hóa vào cảng không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
3.3	Có thường xuyên kiểm tra các thành phần của hàng hóa, kể cả việc kiểm tra niêm phong khi hàng hóa được đưa vào cảng, khi hàng hóa xếp trong cảng?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
3.4	Có thường xuyên kiểm tra các phương tiện chở hàng vào cảng không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
3.5	Thực hiện kiểm tra hàng hóa nhằm tránh xáo trộn hàng hóa bằng: A. Mắt B. Bằng tay C. Các thiết bị dò, quét	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không
3.6	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
3.7	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
4	Các biện pháp an ninh đối với giao, nhận hàng cung ứng cho tàu		

4.1	Có thường xuyên kiểm tra giấy tờ hàng cung ứng để bảo đảm chỉ những mặt hàng đúng chủng loại mới được cho vào cảng để đưa lên tàu không?	<input type="checkbox"/> Có chu kỳ	<input type="checkbox"/> Không
4.2	Có thường xuyên kiểm tra người vận chuyển để bảo đảm những người này được phép chở hàng cung ứng vào cảng không?	<input type="checkbox"/> Có chu kỳ	<input type="checkbox"/> Không
4.3	Có thường xuyên kiểm tra các thành phần của hàng cung ứng, kể cả việc kiểm tra chi tiết hàng cung ứng trước khi cho phép đưa vào cảng không?	<input type="checkbox"/> Có chu kỳ	<input type="checkbox"/> Không
4.4	Có thường xuyên kiểm tra các phương tiện chở hàng cung ứng vào cảng không?	<input type="checkbox"/> Có chu kỳ	<input type="checkbox"/> Không
4.5	Thực hiện kiểm tra hàng cung ứng bằng: A. Mắt B. Bằng tay C. Các thiết bị dò, quét	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không
4.6	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
4.7	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
5	Các biện pháp an ninh đối với hành lý gửi		
5.1	Hành lý gửi có được đánh số, đeo thẻ và để ở những vị trí được bảo vệ thích hợp hay không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
5.2	Có thường xuyên kiểm tra hành lý gửi không?	<input type="checkbox"/> Có chu kỳ	<input type="checkbox"/> Không
5.3	Thực hiện kiểm tra hành lý gửi bằng: A. Mắt B. Bằng tay C. Các thiết bị dò, quét	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không
5.4	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
5.5	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
6	Các biện pháp an ninh đối với Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa		

6.1	Lực lượng bảo vệ được bố trí tại các vị trí đã nêu trong Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
6.2	Lực lượng tuần tra các khu vực trong cảng thủy nội địa thực hiện việc tuần tra bằng: A. Đi bộ B. Xe đạp, xe máy C. Ca nô	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không
6.3	Có sử dụng camera để giám sát các khu vực nhạy cảm trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
6.4	Có các biện pháp để bảo đảm hệ thống chiếu sáng, hệ thống an ninh khác được cung cấp điện liên tục không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
6.5	Hệ thống chiếu sáng của cảng có bảo đảm đủ sáng để nhận dạng được người, phương tiện tới gần các điểm tiếp cận, hàng rào, các khu vực hạn chế và tàu, khi trời tối hay khi tầm nhìn xa bị hạn chế hay không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
6.6	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
6.7	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
IV	Quy trình báo cáo và các kế hoạch khẩn cấp		
1	Có thường xuyên liên hệ với các cơ quan có liên quan không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
2	Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch sơ tán sau các đợt thực tập, diễn tập không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
3	Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch ứng phó khi phát hiện vũ khí/thuốc nổ/vật khả nghi trong cảng sau các đợt thực tập, diễn tập không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
4	Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch ứng phó khi hệ thống chiếu sáng bị mất sau các đợt thực tập, diễn tập không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
5	Có cần cập nhật, bổ sung Kế hoạch phòng cháy chữa cháy sau các đợt thực tập, diễn tập không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
6	Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu sau các đợt thực tập, diễn tập không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
V	Huấn luyện, thực tập và diễn tập		

1	Có tổ chức huấn luyện cho ban (bộ phận) an ninh cảng biển không?	<input type="checkbox"/> Có Biên bản	<input type="checkbox"/> Không
2	Có tổ chức huấn luyện cho lực lượng bảo vệ cảng không?	<input type="checkbox"/> Có Biên bản	<input type="checkbox"/> Không
3	Có tổ chức huấn luyện cho các cán bộ, công nhân viên trong cảng không?	<input type="checkbox"/> Có Biên bản	<input type="checkbox"/> Không
4	Có tổ chức các đợt thực tập theo kế hoạch không?	<input type="checkbox"/> Có Biên bản	<input type="checkbox"/> Không
5	Có tổ chức đợt diễn tập theo kế hoạch không?	<input type="checkbox"/> Có Biên bản	<input type="checkbox"/> Không
VI	Đánh giá an ninh cảng thủy nội địa và kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa bổ sung		
1	Có tiến hành đánh giá an ninh cảng thủy nội địa theo quy định không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không cần tiến hành ngay
2	Có tiến hành lập Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa theo quy định không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không cần tiến hành ngay
VII	Các khuyến nghị bổ sung, sửa đổi kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa		
1	Tổ chức an ninh cảng và trách nhiệm		
2	Các biện pháp an ninh		
2.1	Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát tiếp cận cảng thủy nội địa		
2.2	Các biện pháp an ninh đối với các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa		
2.3	Các biện pháp an ninh đối với hàng hóa		
2.4	Các biện pháp an ninh đối với giao nhận hàng cung ứng cho tàu		
2.5	Các biện pháp an ninh đối với hành lý gửi		
2.6	Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát an ninh cảng thủy nội địa		
3	Quy trình báo cáo và các kế hoạch khẩn cấp		
4	Huấn luyện, thực tập và diễn tập		

**TRƯỞNG BAN (BỘ PHẬN) AN NINH
CẢNG THỦY NỘI ĐỊA**
(Ký tên)

....., ngày.....tháng.....năm.....
GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu).

BẢNG KẾT QUẢ PHÂN TÍCH RỦI RO

		ĐỐI VỚI TÌNH HÌNH HIỆN TẠI					SAU KHI ĐÃ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP AN NINH					
Cơ sở hạ tầng và hoạt động quan trọng	Xác định các mối đe dọa	Điểm hậu quả	Điểm khả năng tồn tại			Cấp, biện pháp xử lý	Biện pháp an ninh cần áp dụng	Điểm hậu quả	Điểm khả năng tồn tại			Cấp biện pháp xử lý
			Đối với khả năng xâm nhập	Đối với an ninh tiếp cận	Tổng điểm				Đối với khả năng xâm nhập	Đối với an ninh tiếp cận	Tổng điểm	
	Mối đe dọa chính 1	- Tình huống cụ thể 1										
		- Tình huống cụ thể 2										
		- ...										
	Mối đe dọa chính 2	- Tình huống cụ thể 1										
		- Tình huống cụ thể 2										

Các mối đe dọa, tình huống giả định thường là: tấn công từ xa, đánh bom từ bên ngoài; xâm nhập trái phép; đưa vũ khí vào cảng, lên tàu; chiếm quyền kiểm soát; bắt, khống chế nhân viên; phá hoại; tấn công nhân viên, trộm, cắp tài sản.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT ĐÁNH GIÁ AN NINH

TÊN DOANH NGHIỆP CẢNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa
tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài**

Kính gửi:

- Cục đường thủy nội địa Việt Nam;
- Cảng vụ Đường thủy nội địa(1)....

Tên doanh nghiệp khai thác cảng:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Tên cảng:

Vị trí:

Doanh nghiệp cảng chúng tôi đã hoàn thành việc đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài theo quy định của Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngàytháng.....năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Bản đánh giá an ninh cảng thủy nội địa gồm trang , kể cả các Phụ lục.

Đề nghị Cảng vụ Đường thủy nội địa thẩm định và phê duyệt./.

CÁN BỘ AN NINH CẢNG
(Ký ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Cảng vụ trực tiếp quản lý cảng.

10. Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (Mã TTHC: 1.003570)

10.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Cá nhân, tổ chức có nhu cầu phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài nộp hồ sơ hoàn thiện hồ sơ của thủ tục này và nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả một cửa Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ <https://dichvucong.danang.gov.vn>.

- Bước 2: Cảng vụ đường thủy nội địa tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các loại giấy tờ trong hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ.

- Bước 3: Cảng vụ đường thủy nội địa thẩm định hồ sơ:

a) Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu thì tiến hành giải quyết.

b) Trường hợp xét thấy hồ sơ không đạt yêu cầu thì có phiếu hướng dẫn yêu cầu bổ sung.

- Bước 4: Trả kết quả cho tổ chức, công dân.

10.2. Hình thức thực hiện:

- Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả một cửa Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ <https://dichvucong.danang.gov.vn>.

- Hồ sơ được trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả một cửa Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

10.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

10.3.1. Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài theo mẫu;

- Bản đánh giá an ninh đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Kế hoạch an ninh theo mẫu.

10.3.2. Số lượng hồ sơ: 03 (ba) bộ hồ sơ.

10.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ đường thủy nội địa thẩm định hồ sơ và báo cáo kết quả thẩm định gửi kèm 02 bộ hồ sơ đến Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo của Cảng vụ đường thủy nội địa, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

10.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức hoặc cá nhân.

10.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cảng vụ Đường thủy nội địa.

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

10.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận phê duyệt kế hoạch an ninh và giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

10.8. Phí, lệ phí: 14.000.000 đồng/lần.

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Kế hoạch an ninh.

- Đơn đề nghị phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài theo mẫu;

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

10.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

**Mẫu: KẾ HOẠCH AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA TIẾP NHẬN
PHƯƠNG TIỆN THỦY NƯỚC NGOÀI**

**TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN CẢNG THỦY NỘI ĐỊA**

**KẾ HOẠCH AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA TIẾP NHẬN
PHƯƠNG TIỆN THỦY NƯỚC NGOÀI
(Lần)**

Tên cơ quan, bộ phận thực hiện:

(Lưu ý: Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa là tài liệu mật, nghiêm cấm việc sao chép, sử dụng, tiếp cận trái phép tài liệu này, trừ những người có trách nhiệm đối với công tác an ninh cảng thủy nội địa. Khi không sử dụng phải lưu trữ trong két bảo mật).

....., ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)

MỤC LỤC

Bảng theo dõi sửa đổi, bổ sung Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa

Lời nói đầu

I. Cơ sở pháp lý đối với việc lập Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa (1).

II. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị về an ninh (2).

III. Các biện pháp an ninh (3).

IV. Quy trình báo cáo và các kế hoạch khẩn cấp (4).

V. Huấn luyện, thực tập và diễn tập (5).

VI. Xem xét lại Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa (6).

VII. Các Phụ lục:

Phụ lục I: Địa chỉ liên lạc (7)

Phụ lục II: Đánh giá an ninh cảng thủy nội địa (8).

Phụ lục III: Sơ đồ và các khu vực hạn chế (9).

Phụ lục IV: Báo cáo các mối đe dọa, sự cố an ninh.

**BẢNG THEO DÕI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG KẾ HOẠCH
AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA**

STT	Ngày sửa đổi	Vị trí sửa đổi (Trang số)	Nội dung sửa đổi	Ghi chú

Ghi chú:

- (1) Nêu rõ các căn cứ pháp lý.
 - (2) Nêu rõ trách nhiệm về an ninh của các tổ chức, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan.
 - (3) Nêu tất cả các biện pháp an ninh sẽ được thiết lập, áp dụng tại cảng thủy nội địa ở cả ba cấp độ an ninh và tập hợp theo nhóm các lĩnh vực, cụ thể hóa các khuyến nghị trong bản đánh giá an ninh cảng thủy nội địa thành các biện pháp an ninh.
 - (4) Nêu rõ trách nhiệm, quy trình thông báo, báo cáo các sự cố hoặc mối đe dọa an ninh giữa các cơ quan liên quan. Đồng thời nêu tất cả các quy trình ứng phó đối với các tình huống khẩn nguy có thể xảy ra đối với cảng (như sơ tán khỏi cảng, phát hiện vũ khí hoặc chất nổ trong cảng, các thiết bị an ninh bị hỏng,...).
 - (5) Nêu cụ thể chương trình huấn luyện, thực tập và diễn tập an ninh sẽ được triển khai tại đơn vị mình.
 - (6) Nêu các quy trình liên quan đến việc xem xét tính hiệu quả các biện pháp và quy trình an ninh hiện được thiết lập trong kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa.
 - (7) Nêu rõ các thông tin về địa chỉ liên lạc của cảng thủy nội địa, doanh nghiệp cảng thủy nội địa, cán bộ an ninh cảng thủy nội địa, trực ban an ninh cảng thủy nội địa v.v...
 - (8) Bản đánh giá an ninh cảng thủy nội địa đã được phê duyệt.
- Lưu ý: Từ ngữ sử dụng trong kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa phải nhất quán với đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH AN NINH VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN AN PHÙ HỢP AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA TIẾP NHẬN PHƯƠNG TIỆN THỦY NƯỚC NGOÀI

TÊN DOANH NGHIỆP CẢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

Kính gửi: Cục đường thủy nội địa Việt Nam.

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số fax

Tên cảng:

Vị trí:

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Doanh nghiệp cảng chúng tôi đã hoàn thành việc đánh giá an ninh cảng thủy nội địa và đã được Cảng vụ Đường thủy nội địa thẩm định, phê duyệt. Trên cơ sở bản đánh giá an ninh, chúng tôi đã xây dựng hoàn thiện kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa theo quy định. Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa gồm trang, kể cả các Phụ lục.

Đề nghị Cục Đường thủy nội địa Việt Nam cấp Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài./.

CÁN BỘ AN NINH CẢNG

(Ký ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

11. Xác nhận hàng năm Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (Mã TTHC: 1.004137)

11.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Cá nhân, tổ chức có nhu cầu xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài hoàn thiện hồ sơ của thủ tục này và nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả một cửa Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ <https://dichvucong.danang.gov.vn>.

- Bước 2: Cảng vụ đường thủy nội địa tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các loại giấy tờ trong hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ.

- Bước 3: Cảng vụ đường thủy nội địa thẩm định hồ sơ:

a) Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu thì tiến hành giải quyết.

b) Trường hợp xét thấy hồ sơ không đạt yêu cầu thì có phiếu hướng dẫn yêu cầu bổ sung.

- Bước 4: Trả kết quả cho tổ chức, công dân.

11.2. Hình thức thực hiện:

- Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả một cửa Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ <https://dichvucong.danang.gov.vn>.

- Hồ sơ được trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả một cửa Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

11.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

11.3.1. Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài theo mẫu.

- Bản đánh giá an ninh phải có ý kiến của các cơ quan: cơ quan công an cấp huyện, Đoàn Biên phòng cửa khẩu cảng, Phòng Cảnh sát giao thông cấp tỉnh, Chi cục Hải Quan, Cảng vụ, Trung tâm Y tế dự phòng cấp huyện, cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật cấp huyện, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu;

- Biên bản các buổi tập huấn hoặc diễn tập hoặc huấn luyện theo chương trình Kế hoạch an ninh được phê duyệt.

- Bản chính giấy chứng nhận phù hợp an ninh (để xác nhận vào trang sau của giấy chứng nhận).

11.3.2. Số lượng hồ sơ: 03 (ba) bộ hồ sơ.

11.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ đường thủy nội địa thẩm định hồ sơ và báo cáo kết quả thẩm định gửi kèm 02 bộ hồ sơ đến Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo của Cảng vụ, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

11.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức hoặc cá nhân.

11.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cảng vụ Đường thủy nội địa.

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

11.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

11.8. Phí, lệ phí:

- Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: 2.200.000 đồng;

- Phê duyệt kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: 2.800.000 đồng

11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

11.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN HÀNG NĂM GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA TIẾP NHẬN PHƯƠNG TIỆN THỦY NƯỚC NGOÀI

TÊN DOANH NGHIỆP CẢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh
cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài**

Kính gửi: Cục đường thủy nội địa Việt Nam.

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số fax

Tên cảng:

Vị trí:

Căn cứ Nghị định số/2021/NĐ-CP ngày ...tháng.....năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Doanh nghiệp cảng chúng tôi trong năm qua đã tuân thủ thực hiện các vụ trong Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa đã được phê duyệt. Chúng tôi (thành việc đánh giá lại an ninh cảng thủy nội địa có sự tham gia của đại diện cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng theo quy định. Bản đánh giá cảng thủy nội địa gồm trang, kể cả các Phụ lục.

Đề nghị Cục Đường thủy nội địa Việt Nam xác nhận hàng năm Giấy chứng nhận phù hợp cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài cho chúng tôi./.

CÁN BỘ AN NINH CẢNG

(Ký ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)